TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2022/DS-PT

Ngày: 12 – 12 – 2022

V/v tranh chấp "Hụi và hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Trương Thanh Dũng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:135/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp "Hụi và hợp đồng vay tài sản"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2022/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 113/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Gò C, xã Điền H, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Chị Ngô Thị Thu Th, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Long H, xã Điền H, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phùng Văn H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp Long H, xã Điền H, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người kháng cáo: Anh Phùng Văn H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Vào năm 2020 chị làm đầu thảo mở 03 dây hụi, dây thứ nhất mở ngày 30/3/2020 loại hụi 2.000.000 đồng, tổng số 21 chưng,

mỗi tháng khui 1 kỳ, chị Th tham gia 02 chưng, đã hốt hết 02 chưng, hốt ở kỳ 30/7 và 30/8, tổng số tiền hốt là 54.450.000 đồng, tính đến nay hụi đã mãn, do chị Th không đóng hụi chết nên chị đã trả thay cho chị Th là 40.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai mở ngày 15/5/2020 loại hụi 3.000.000 đồng, tổng số 25 chưng, mỗi tháng khui 1 kỳ, chị Th tham gia 02 chưng, đã hốt hết 02 chưng, hốt ở kỳ 15/5 và 15/12, tổng số tiền hốt là 88.700.000 đồng, tính đến nay hụi đã mãn được một phần, do chị Th không đóng hụi chết nên chị đã trả thay cho chị Th 54.000.000 đồng, (còn lại 6 kỳ hụi chết 36.000.000 đồng chị sẽ kiện sau)

Dây hụi thứ ba mở ngày 15/7/2020 loại hụi 500.000 đồng, tổng số 50 chưng, mỗi tháng khui 2 kỳ, chị Th tham gia 03 chưng, đã hốt hết 01 chưng, còn lại 02 chưng sống, bù qua số tiền đã hốt thì dây hụi này chị Th và chị T không còn nợ.

Chị T xác định trong biên nhận nợ ngày 05/3/3021 số tiền vay 73.000.000 đồng cụ thể như sau: Khoảng năm 2019 chị Th vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất tính 1 tháng = 1.600.000 đồng, chị Th đóng được khoảng 6 tháng là 9.600.000 đồng thì không đóng lãi. Trong 53.000.000 đồng còn lại chị Th vay rất nhiều lần, mỗi lần bao nhiêu chị không nhớ, lãi suất bao nhiêu chị cũng không nhớ, trong khoản tiền này chị Th không có trả khoản lãi nào. Chị đồng ý trừ lại tiền lãi 4.800.000 đồng, chị yêu cầu vợ chồng chị Ngô Thị Thu Th và anh Phùng Văn H trả số tiền hụi và tiền vay tổng cộng là 162.200.000 đồng (tiền hụi là 94.000.000 đồng, tiền vay là 68.200.000 đồng).

Bị đơn chị Ngô Thị Thu Th trình bày: Chị thừa nhận có giao dịch chơi hụi của chị Nguyễn Thị T số tiền hụi đã hốt và phải đóng lại cho chị T là 94.000.000 đồng (còn thiếu lại 6 kỳ hụi chết = 36.000.000 đồng chị T chưa kiện), tiền vay của chị T tổng cộng 2 khoản là 73.000.000 đồng, chị thừa nhận khoản nợ trên và yêu cầu trả dần cho chị T, chị yêu cầu một mình chị đứng ra trả cho chị T, không yêu cầu chồng đứng ra trả. Tại phiên tòa chị xác định tiền hốt hụi để chi xài chung trong gia đình, còn tiền vay thì dùng để đóng hụi.

Chị có yêu cầu xem xét lại khoản lãi chị đã đóng cho chị T trước đây, khi đóng lãi không có giấy tờ, biên nhận. Tại phiên tòa hôm nay chị yêu cầu trừ lại số tiền lãi 4.800.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phùng Văn H trình bày: Từ trước đến nay anh không biết chị T và cũng không có bất cứ giao dịch nào với chị T kể cả khoản tiền vay và hụi chị Th còn nợ. Việc chị Th (vợ anh) chơi hụi và vay của chị T thì anh hoàn toàn không biết, đến khi nhận bản án anh mới biết chị Th nợ chị T số tiền nêu trên. Việc chị Th vay tiền, chơi hụi đều không thông qua anh mà tự ý định đoạt. Giữa anh và chị Th tuy mâu thuẫn nhau nhưng chưa ly hôn, về chi tiêu trong gia đình là do anh chăm lo, hàng tháng còn phải cho tiền chị Th chi xài. Anh làm nghề giáo viên mỗi tháng thu nhập khoảng 10.000.000 đồng, ngoài ra, còn nuôi tôm công nghiệp mỗi năm thu nhập khoảng 300.000.000 đồng, xét về mặt kinh tế anh đủ

khả năng chăm lo gia đình. Anh không đồng ý cùng với chị Th trả số tiền hụi và vay cho chị T theo quyết định của bản án sơ thẩm, vì số tiền này anh không liên quan, chị Th tự giao dịch thì tự chịu trách nhiệm.

Từ nội dung trên, Bản án số 68/2022/DS-ST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông H quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T. Buộc chị Ngô Thị Thu Th và anh Phùng Văn H trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 162.200.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, anh Phùng Văn H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng. Anh H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập anh làm việc và anh không nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án. Đồng thời, anh không đồng ý cùng chị Th trả nợ cho chị T. Ngày 07/12/2022, anh H kháng cáo bổ sung yêu cầu cấp phúc thẩm chuyển hồ sơ đến Công an xử lý theo quy định của pháp luật do có dấu hiệu cho vay lãi nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày ý kiến tranh luận: Anh không đồng ý cùng chị Th trả tiền cho chị T theo quyết định của bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm làm rõ lãi suất chị T cho vay vì có dấu hiệu cho vay lãi nặng.

Nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày ý kiến tranh luận: Chị T thừa nhận khi chơi hụi và cho chị Th vay tiền, chị không có nói với anh H biết nhưng anh H và chị Th là vợ chồng sống chung nhà phải cùng có trách nhiệm trả nợ cho chị. Chị không cho vay lãi nặng, chị xác định trong biên nhận nợ ngày 05/3/3021 số tiền vay 73.000.000 đồng, cụ thể khoảng năm 2019 chị Th vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 1 tháng = 1.600.000 đồng, chị Th đóng được khoảng 6 tháng là 9.600.000 đồng thì không đóng lãi nhưng chị đã bớt tiền lãi cho chị Th 4.800.000 đồng; số tiền 53.000.000 đồng còn lại chị Th vay rất nhiều lần, mỗi lần bao nhiêu chị không nhớ, lãi suất bao nhiêu chị cũng không nhớ, trong khoản tiền 53.000.000 đồng này chị Th không có trả khoản lãi nào, nên chị không có cho vay lãi nặng như anh H trình bày.

Bị đơn chị Th trình bày ý kiến tranh luận: Trong quá trình vay chị đã trả lãi nhiều lần cho chị T, yêu cầu xem xét lại lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Phùng Văn H. Đề nghị: Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ

nguyên bản án số 68/2022/DS-ST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tống đạt bản án cho anh Phùng Văn H nhưng anh H không có mặt tại nhà nên chị Th (vợ anh H) nhận thay vào ngày 08/8/2022. Đơn kháng cáo của anh H gửi đến Tòa án nhận ngày 15/8/2022 còn trong hạn luật định và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị T xác định chị Ngô Thị Thu Th có nợ chị T số tiền 167.000.000 đồng, trong đó tiền hụi 94.000.000 đồng, tiền vay 73.000.000 đồng (đối với tiền vay chị T đồng ý giảm lãi cho chị Th số tiền 4.800.000 đồng và chị Th cũng đồng ý nên đối trừ khoản tiền vay chị Th còn nợ 68.200.000 đồng). Như vậy, tổng số tiền chị Th hiện nay còn nợ chị T là 162.200.000 đồng. Chị Th thừa nhận có nợ khoản tiền nêu trên. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố Tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh. Do chị T và chị Th không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị đối với các khoản tiền này nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.2] Xét kháng cáo của anh Phùng Văn H:

[2.2.1] Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng. Anh H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập anh làm việc và anh không nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, thấy rằng:

Trong suốt quá trình tố tụng của vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh H như: Ngày 4/01/2022 và ngày 7/01/2022 tống đạt giấy mời tham gia phiên hòa giải (Bút lục 19 và 22), ngày 16/02/2022 tống đạt Thông báo thụ lý vụ án (Bút lục 36), ngày 08/4/2022 tống đạt Thông báo phiên hòa giải và Giấy triệu tập đương sự (Bút lục 39), ngày 18/5/2022 tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử (Bút lục 52), ngày 08/8/2022 tống đạt Bản án sơ thẩm (Bút lục 81). Các thủ tục này được cấp, tống đạt cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phùng Văn H là đúng quy định của pháp luật. Các biên bản cấp, tống đạt các thủ tục tố tụng cho anh H đều thể hiện người nhận là chị Ngô Thị Thu Th (vợ anh H) và trong các biên bản giao nhận cho chị Th có thể hiện nội dung *"Cam kết là sẽ giao lại tận tay*

ngay cho ông Hải". Theo khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Trường hợp người được cấp, tống đạt, thông báo vắng mặt thì người thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo phải lập biên bản và giao cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng nơi cư trú với họ hoặc tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc để thực hiện việc ký nhận hoặc điểm chỉ và yêu cầu người này cam kết giao lại tận tay ngay cho người được cấp, tống đạt, thông báo. Biên bản phải được lưu trong hồ sơ vụ án"*. Do đó, việc tống đạt các thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm đối với anh H là đúng quy định của pháp luật, không vi phạm thủ tục tố tụng, kháng cáo của anh H yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2.2] Đối với nội dung kháng cáo anh H không đồng ý cùng chị Ngô Thị Thu Th (vợ anh H) trả nợ cho chị T, thấy rằng:

Việc giao dịch vay tiền giữa chị Th và chị T là có xảy ra trên thực tế, anh H không có tham gia vào giao dịch vay tiền giữa chị Th và chị T. Tuy nhiên, giữa anh H và chị Th là vợ chồng, đang trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp, khoản nợ mà chị T yêu cầu chị Th và anh H phải trả phát sinh trong thời kỳ hôn nhân là phù hợp. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm (Bút lục 74) chị Th có trình bày: *" Số tiền hốt hụi dùng để chi xài trong gia đình, ăn uống sinh hoạt, đám tiệc, học hành cho con cái và mua bán nhỏ"*. Từ lời trình bày của chị Th, cấp sơ thẩm đã xác định việc vay tiền và tham gia hụi của chị Th là để đáp ứng cho nhu cầu thiết yếu trong gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Th không thừa nhận dùng tiền vay, tham gia hụi để chi phí sinh hoạt trong gia đình mà dùng tiền vay đóng hụi chết, còn chi phí sinh hoạt trong gia đình do anh H chăm lo. Anh H xác định từ trước đến nay anh không có bất kỳ giao dịch nào với chị T, anh cũng không biết việc vợ anh chơi hụi và vay tiền của chị T. Anh cho rằng anh là người chăm lo các nhu cầu thiết yếu trong gia đình, cũng như nuôi hai con, vợ anh không dùng tiền hốt hụi cũng như tiền vay để phục vụ các nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Tuy nhiên, anh H không chứng minh được lời trình bày của anh là có căn cứ.

Theo khoản 2 Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:*" Trách nhiệm liên đới của vợ, chồng:... 2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này."* Tại Khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:... 2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình"*.

Từ quy định trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc anh H cùng có trách nhiệm liên đới với chị Th trả tiền vay, hụi cho chị T như cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh H.

[2.2.3] Đối với nội dung kháng cáo của anh H cho rằng chị T cho vay lãi nặng, thấy rằng:

Tại phiên tòa, chị Th và chị T thừa nhận trong số tiền vay 73.000.000 đồng (bảy mươi ba triệu đồng) có khoản vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) chị Th đóng lãi cho chị T được 06 tháng với số tiền là 9.600.000 đồng (Chín triệu sáu trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm chị T đã đồng ý trừ lại số tiền lãi là 4.800.000 đồng (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng), đối trừ chị Th còn nợ tiền vay là 68.200.000 đồng (73.000.000đ – 4.800.000đ = 68.200.000đ). Còn số tiền vay 53.000.000 đồng (Năm mươi ba triệu đồng) chị T xác định chị Th không có trả khoản lãi nào, chị Th không cung cấp được biên nhận hay giấy tờ chứng minh có đóng lãi đối với số tiền này. Do đó, cấp sơ thẩm đã xác định tổng số tiền vay mà chị Th phải trả cho chị T là 68.200.000 đồng (sáu mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng) là phù hợp. Mặt khác, chị Th không cung cấp được chứng cứ chứng minh kể từ khi chốt nợ ngày 05/3/2021 cho đến nay chị Th có đóng lãi cho chị T cho nên không có cơ sở xác định chị Th đóng lãi cao và cũng không có cơ sở xác định chị T cho vay lãi nặng như anh H trình bày. Do đó kháng cáo của anh H là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Bản án sơ thẩm đã nhận định, đánh giá chứng cứ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Phùng Văn H; Kiểm sát viên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm 68/2022/DS-ST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Phùng Văn H không được Tòa án chấp nhận nên anh H phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh H đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009368 ngày 15/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Phùng Văn H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 471 của Bộ luật dân sự; Điều 27, 37

của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 24 của Nghị định 19/2919/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

2. Buộc chị Ngô Thị Thu Th và anh Phùng Văn H liên đới trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 162.200.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Ngô Thị Thu Th và anh Phùng Văn Hải liên đới nộp số tiền 8.110.000 đồng (Tám triệu một trăm mười nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị T không phải nộp án phí. Chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 4.175.000 đồng (Bốn triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002074 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại số tiền 4.175.000 đồng (Bốn triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phùng Văn H phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh H đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009368 ngày 15/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm 68/2022/DS-ST ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đông H;
- CCTHADS huyện Đông H;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Thị Kiều Anh